

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1841/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2015 - 2020 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho các bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung 01 nhà trường Quân đội, 05 cơ sở giáo dục đại học đủ điều kiện thành lập trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh vào quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm:

1. Trường Quân sự Quân đoàn 3; số lượng sinh viên dự kiến: 10.000 sinh viên/năm.

2. Trường Đại học Thủy lợi; số lượng sinh viên dự kiến: 30.000 sinh viên/năm.

3. Trường Đại học Quy Nhơn; số lượng sinh viên dự kiến: 15.000 sinh viên/năm.

4. Trường Đại học Tôn Đức Thắng; số lượng sinh viên dự kiến: 30.000 sinh viên/năm.

d) Tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế;

đ) Các địa phương thực hiện được các đề án khuyến công quốc gia điểm có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, vùng, địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng được 340 mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ. Ứng dụng được 1.600 máy móc thiết bị và 300 dây chuyền công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đánh giá sản xuất sạch hơn cho 300 cơ sở công nghiệp nông thôn; xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn cho 100 cơ sở công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 50 cơ sở công nghiệp nông thôn;

b) Tổ chức được 03 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia, 02 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực. Hỗ trợ 350 cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm. Hỗ trợ tổ chức được 15 hội chợ triển lãm trong nước, 5 hội chợ triển lãm tại nước ngoài và hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia 45 hội chợ triển lãm trong nước, 13 hội chợ tại nước ngoài để trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp, hàng thủ công mỹ nghệ.

c) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 50 cụm công nghiệp. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho khoảng 60 cụm công nghiệp. Hình thành cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến;

d) Đào tạo nghề nghiệp cho 10.000 lao động theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn gắn với yêu cầu của thị trường; khoảng 500 cán bộ quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 300 giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn. Đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn cho khoảng 15.000 học viên. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn;

đ) Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở công nghiệp nông thôn. Đa dạng hóa các hình thức thông tin truyền thông; tăng mạnh số lượng các cơ sở công nghiệp nông thôn nắm bắt và chủ động tham gia chương trình;

e) Nâng cao năng lực và tổ chức thực hiện cho cán bộ, cộng tác viên khuyến công. Tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất từ trung ương đến địa phương, kết nối, liên thông, chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu về khuyến công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

II. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên phạm vi quốc gia, vùng, địa phương.

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp nông thôn trên cả nước.

3. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương ở địa phương, năng lực thực hiện của các Trung tâm khuyến công quốc gia và cấp tỉnh, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương

b) Đối tượng áp dụng gồm:

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn);

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến hết năm 2025.

IV. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tập trung phát triển hoạt động khuyến công theo những nội dung sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn, xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông lâm thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương;

b) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, tự động hóa, công nghệ 4.0 vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến do cơ sở công nghiệp nông thôn tự nghiên cứu, sản xuất, gia công chế tạo và ứng dụng có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, được cơ quan quản lý công nhận. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất công nghệ theo hướng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng các nguồn nguyên liệu hoặc đưa ra các sản phẩm có tính bảo vệ môi trường, bền vững;

c) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường;

d) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn và nhân rộng mô hình áp dụng; phổ biến, tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung liên quan về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;

đ) Tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn;

e) Hỗ trợ liên kết các cơ sở công nghiệp nông thôn với các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến; kết nối cung cầu về đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài nước và các hoạt động kết nối giao thương khác. Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước;

b) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia. Hỗ trợ in, dán nhãn logo của chương trình bình chọn; tặng thưởng, đăng tải thông tin giới thiệu sản phẩm đạt giải cấp khu vực, quốc gia. Hỗ trợ tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác;

c) Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu và đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính (cấp huyện, tỉnh, trung ương) và các hoạt động xúc tiến thương mại khác;

d) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quảng bá, giới thiệu, phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn;

đ) Hỗ trợ xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn;

e) Hỗ trợ tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

3. Hỗ trợ liên doanh, liên kết, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, hợp tác đầu tư phát triển các cụm công nghiệp

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; hình thành mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

b) Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến;

c) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp. Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp;

d) Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn;

b) Đào tạo nghề nghiệp theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn gắn với yêu cầu của thị trường bằng hình thức trực tiếp hoặc ứng dụng công nghệ thông tin. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Khuyến khích việc tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên theo các hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn gắn với các cơ sở công nghiệp nông thôn;

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn;

d) Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn;

đ) Xây dựng chương trình và đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp;

e) Nghiên cứu, ứng dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng tiên tiến; áp dụng các tiêu chí quản lý giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tối ưu hóa nguồn lực;

g) Hỗ trợ liên kết giữa các cơ sở công nghiệp nông thôn và các cơ sở đào tạo trong nước nhằm đào tạo lao động kỹ thuật cao, đặc biệt trong các lĩnh vực chế biến, chế tạo;

h) Tổ chức các hoạt động tư vấn, tập huấn, hội thảo, diễn đàn, hội nhập kinh tế quốc tế; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước;

i) Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn.

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn, công tác truyền thông

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác;

b) Tăng cường các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông;

c) Tổ chức và hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các cuộc thi, phát động, triển lãm nhằm quảng bá thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công;

d) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư, marketing, quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực, liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh và thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

đ) Hỗ trợ pháp lý về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật về lĩnh vực phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn;

e) Tư vấn, hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước;

g) Đa dạng hóa hoạt động tư vấn khuyến công bằng cả hình thức tư vấn trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin;

h) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của cơ sở công nghiệp nông thôn phù hợp với quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Trung tâm Khuyến công cấp vùng và cấp tỉnh;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

c) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công. Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước;

d) Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với một số hoạt động khuyến công quốc gia thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công;

đ) Tăng cường hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, cộng tác viên khuyến công;

e) Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động khuyến công;

g) Kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý chương trình đề án khuyến công.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, vốn của cơ sở công nghiệp nông thôn, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác nhằm đầu tư, phát triển công nghiệp nông thôn.

Đối với kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn ngân sách trung ương dành cho các hoạt động khuyến công, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, căn cứ vào Chương trình và đề xuất của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính cân đối kinh phí từ ngân sách trung ương để thực hiện các hoạt động khuyến công (đối với kinh phí khuyến công quốc gia); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện để bố trí trong dự toán ngân sách địa phương (đối với kinh phí khuyến công địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Về vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước dành cho đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Trung tâm khuyến công quốc gia ở các vùng và chi hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Trung tâm khuyến công của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công theo Chương trình được duyệt;

b) Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công; phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định;

c) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các chương trình, dự án về khuyến công; thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến công;

d) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

2. Bộ Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của Bộ Công Thương, chủ trì bố trí dự toán chi sự nghiệp thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công quốc gia thuộc phạm vi chi từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu của Chương trình.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở đề xuất của Bộ Công Thương, chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan, tổng hợp, xem xét trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Trung tâm khuyến công quốc gia ở các vùng và chi hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Trung tâm khuyến công của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư theo quy định.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương lồng ghép các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, trình Bộ Công Thương tổng hợp, thẩm định, phê duyệt các đề án khuyến công quốc gia theo nội dung của Chương trình này;

b) Chỉ đạo Sở Công Thương xây dựng Chương trình khuyến công tại địa phương, phê duyệt, bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo Chương trình khuyến công tại địa phương.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). 406

